

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- TP. HÀ NỘI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/HS-ST**

Ngày: 06/05/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân

- Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

- Bà **Đặng Thị Minh Anh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H Phương**, Thư ký

Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Bình**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 04 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay : Thôn 5, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1945. Con bà: Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1947. Chồng: Trần Văn H, sinh năm: 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2021 đến ngày 18/01/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tà Văn T, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn Đức Thịnh, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn Việt H, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đào Thịnh, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

4. Lý Thị Tr, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Bản Bãi Đu, xã Tân Lg, huyện Ph, tỉnh Sơn La.

5. Anh Trần Văn H, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Thôn 5, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội.

(*Anh T, anh K, chị Th, chị Tr vắng mặt; anh H có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 12/01/2021, Nguyễn Văn K, Tạ Văn T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Như L đi uống rượu ở xã T, huyện B, sau khi uống rượu xong cả nhóm đến thôn 5, xã TH, huyện B để tắm khoáng nóng có biển hiệu “H L” do Nguyễn Thị L làm chủ. Đến nơi cả 4 người cùng ngồi uống nước tại khu nhà dịch vụ của cơ sở tắm khoáng. Tại đây, T và K rủ nhau mua dâm và T đặt vấn đề với L về việc mua dâm. L đồng ý và thỏa thuận giá là: 200.000đ/1lượt/1 khách, thanh toán xong khi mua dâm. Sau đó, L điều khiển xe mô tô Honda Lead BKS: 29V1- 557.03 đi tìm gái bán dâm về cho khách. Khi đến nhà anh Nguyễn Văn H thì L gặp Nguyễn Thị Th là nhân viên lau dọn nhà anh H đang đứng ngoài cổng. L đã đặt vấn đề với Th về việc bán dâm cho khách sẽ trả cho Th 100.000đ/1lượt bán dâm, Th đồng ý thì L chở Th về cơ sở tắm khoáng nóng của mình. L đưa cho Th 01 khăn tắm và 01 bao cao su rồi Th dẫn K lên phòng khô tầng 2 dãy nhà dịch vụ để thực hiện hành vi mua bán dâm. L tiếp tục đi tìm gái bán dâm về cho T, khi đi bộ sang nhà bà Trần Thị H thì L gặp Lý Thị Tr là nhân viên lau dọn nhà bà H, L đặt vấn đề với Tr như với Th và Tr đồng ý rồi L đưa Tr về cơ sở tắm khoáng của L. Tại đây, L đưa Tr 01 khăn tắm và 01 bao cao su Tr dẫn T vào phòng khô tầng 1 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Khi 2 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì lực lượng công an đến kiểm tra hành chính và bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Văn K, Tạ Văn T, Nguyễn Thị Th và Lý Thị Tr đã có hành vi mua, bán dâm ngày 12/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Nguyễn Văn H và Nguyễn Như L đi cùng K và T có mặt tại cơ sở tắm khoáng biển hiệu “H L” nhưng không thực hiện hành vi mua dâm. Do vậy CQĐT Công an huyện B không đề cập xử lý gì đối với H và L.

Đối với Trần Thị H và Nguyễn Văn H là người thuê Th và Tr về quét dọn nhà, H và H không biết việc Th và Tr đi bán dâm, không được hưởng lợi từ việc Th và Tr đi bán dâm nên CQĐT Công an huyện B cũng không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda kiểu dáng Lead BKS: 29V1-557.03 L đã sử dụng để chở Th về cơ sở tắm khoáng nóng của mình để bán dâm cho khách ngày 12/01/2021. Ngày 13/01/2021, anh Trần Văn H chồng L đã giao nộp cho CQĐT để phục vụ điều tra. Xét thấy, chiếc xe trên là do anh H mua về để làm phương tiện đi lại anh H không biết việc L sử dụng xe để chở gái mại dâm về cơ sở tắm khoáng nóng để bán dâm ngày 12/01/2021. Qua tra cứu xác định chiếc xe mô tô này không phải là tang vật trong vụ án khác. Nên ngày 22/3/2021, CQĐT trả lại chiếc xe cho anh Trần Văn H.

Đối với chiếc điện thoại Oppo vỏ màu xanh CQĐT thu giữ của Lý Thị Tr xác định là đồ liên lạc cá nhân, không sử dụng vào việc trao đổi mua bán dâm. Ngày 22/3/2021 CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là Lý Thị Tr.

Đối với số tiền 450.000đ thu giữ của Nguyễn Văn K, tại CQĐT K khai sử dụng số tiền 200.000đ vào mục đích mua dâm, do vậy CQĐT đã trả lại số tiền 250.000đ cho K.

Về vật chứng:

- 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Vip” và 02 bao cao su đã qua sử dụng thu tại nơi các đôi nam nữ thực hiện hành vi mua bán dâm.

- Số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) thu của K và T dùng để thanh toán cho việc mua dâm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định chuyển vật chứng yêu cầu CQĐT chuyển đến kho vật chứng cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 14/04/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thị L về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát B đã nêu. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ

quyền công tố phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

** Đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì dán kín, tại các mép dán ngoài phong bì có 04 dấu đỏ và có chữ ký tên của đối tượng, bên trong phong bì có 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng K và T đã sử dụng vào việc mua dâm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật*

** Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, biên bản bắt người phạm tội của quả tang, tang vật cơ quan điều tra thu giữ. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2021, Tổ công tác Công an huyện B và Công an xã TH kiểm tra hành chính tại cơ sở tắm khoáng nóng có biển hiệu “H L” tại thôn 5, xã TH, huyện B thì phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị L đang có hành vi chứa mại dâm cho 02 đôi nam nữ đang thực hiện quan hệ

tình dục trong hai phòng khô tầng 2 dãy nhà dịch vụ đó là: Tạ Văn T và Lý Thị Tr; Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Th. Hành vi chứa 02 đôi nam nữ mua bán dâm tại cơ sở tắm khoáng nóng biển hiệu “H L” tại thôn 5, xã TH của Nguyễn Thị L với giá thỏa thuận giữa L và T, K là 200.000đ/người/lượt nhằm thu lời bất chính đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Đối với Trần Văn H là chồng của bị cáo L khi L có hành vi chứa mại dâm tại nhà nhưng anh H đi làm vắng không biết sự việc L ở nhà chứa mại dâm. Vì vậy, CQĐT không đề cập xử lý gì. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với Tạ Văn T, Nguyễn Văn K đã có hành vi mua dâm đối với Lý Thị Tr, Nguyễn Thị Th có hành vi bán dâm ngày 12/01/2021 tại cơ sở tắm khoáng nóng “ H L”. Ngày 02/02/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện B căn cứ vào khoản 1 Điều 22 và khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự đã ra Quyết định xử phạt hành chính số: 98 và 97/QĐ-XPVPHC đối với Lý Thị Tr và Nguyễn Thị Th bằng hình thức: Cảnh cáo. Quyết định xử phạt hành chính số: 99 và 100/QĐ-XPVPHC đối với Tạ Văn T và Nguyễn Văn K bằng hình thức phạt tiền, số tiền 750.000 đồng/một người là đúng quy định của pháp luật. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Lead BKS: 29V1-557.03 bị cáo L đã sử dụng để chở Th về cơ sở tắm khoáng nóng của mình để bán dâm cho khách ngày 12/01/2021. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản chung do anh H mua về để gia đình làm phương tiện đi lại, anh H không biết việc L sử dụng chiếc xe để chở gái mại dâm về cơ sở tắm khoáng nóng để bán dâm. Nên ngày 22/3/2021, CQĐT trả lại chiếc xe cho anh Trần Văn H. HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, xâm hại đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm qua đường tình dục đặc biệt bệnh HIV. Vì vậy cần có một mức án nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng, tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án đúng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo có công với Cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Thị L sinh ra trong một gia đình nông dân thuần túy bản thân bị cáo là phụ nữ là người vợ, người mẹ trong gia đình lễ ra bị cáo phải chịu khó chăm chỉ lao động bằng con đường chân chính, tu dưỡng rèn luyện bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội làm gương cho con, cháu noi theo nhưng vì hám lời nên bị cáo đã lao vào con đường hành nghề kinh doanh thu lời bất chính chứa mại dâm là đạo đức xấu mà xã hội lên án. Vì vậy cần có một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt bổ sung từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng; Xét thấy tài liệu có trong hồ sơ thì bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu “víp” đã qua sử dụng và 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng đây là số tiền mà K và T dùng để mua dâm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội “ *Chứa mại dâm*”.

2/. Áp dụng: Khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt : **Nguyễn Thị L 12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 12/01/2021 đến 18/01/2021.

3/. Vật chứng vụ án : Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự ;

-Tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu ‘Víp’ đã qua sử dụng và 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng. *(Theo giấy giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án huyện B ngày 06/05/2021).*

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)* Nguyễn Văn K, Tạ Văn T dùng để mua dâm *(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1052741 tại Kho bạc nhà nước huyện B của Chi cục Thi hành án huyện B ngày 06/05/2021)*.

4/. Án phí : Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung